

Diễn biến thị trường ngày 20.03.2017

Phiên giao dịch đầu tuần và cũng là phiên đầu tiên sau khi 2 quỹ ETF cơ cấu xong danh mục cho quý 1 của năm 2017 đã diễn ra tích cực với các chỉ số tăng khá mạnh, đồng thời thanh khoản ở mức tốt. Cụ thể, kết thúc phiên giao dịch, chỉ số VN-Index tăng 4,53 điểm (+0,64%) lên 715,07 điểm; chỉ số HNX-Index tăng 0,65 điểm (+0,74%) lên 89,03 điểm; chỉ số UPCOM-Index tăng 0,04 điểm (+0,06%) lên 58,59 điểm.

Trên sàn HOSE, khối ngoại đã mua ròng khá mạnh với 1,24 triệu cổ phiếu, tương ứng giá trị 144,15 tỷ đồng. NVL là cổ phiếu được khối ngoại mua ròng nhiều nhất phiên với 98,15 tỷ đồng, giá NVL tăng 1,8%. Các cổ phiếu khác trong top mua ròng: VNM (56,75 tỷ), CTD (15,53 tỷ), PC1 (6,77 tỷ), PAC (5,6 tỷ). ROS đứng đầu danh sách bán ròng với 46,03 tỷ đồng, giảm giá 5,4%.

Thị trường giao dịch tích cực sau khi 2 quỹ ETF kết thúc việc cơ cấu danh mục và không bị ảnh hưởng nhiều khi FED tăng lãi suất USD. Chỉ số tăng cùng với thanh khoản tiếp tục ở mức cao cho thấy dòng tiền đã trở lại trong phiên hôm nay. Với các điều kiện thị trường hiện tại, VN-Index có thể tiếp tục tăng điểm vào ngày mai và vùng kháng cự gần nhất trong khoảng 716-718 điểm.

Cập nhật thị trường	HOSE	HNX
Chỉ số	715,07	89,03
% thay đổi	0,64%	0,74%
Tổng KLGD (triệu CP)	175,28	50,61
Tổng GTGD (Tỷ VND)	3.978,26	656,82
KL Dư mua (triệu CP)	137,45	46,66
KL Dư bán (triệu CP)	164,32	46,96
Giao dịch nước ngoài	HOSE	HNX
KL mua (triệu CP)	7,08	0,9
KL bán (triệu CP)	5,84	0,85
GT mua (tỷ đồng)	433,69	13,67
GT bán (tỷ đồng)	289,54	13,95
KL mua/bán ròng (triệu CP)	1,24	0,06
GT mua/bán ròng (tỷ đồng)	144,15	-0,28
Chỉ số thị trường	HOSE	HNX
P/B	4,46	1,68
P/E	16,76	11,37
Beta	0,79	0,83
ROE	20,76%	14,93%
ROA	10,72%	6,17%

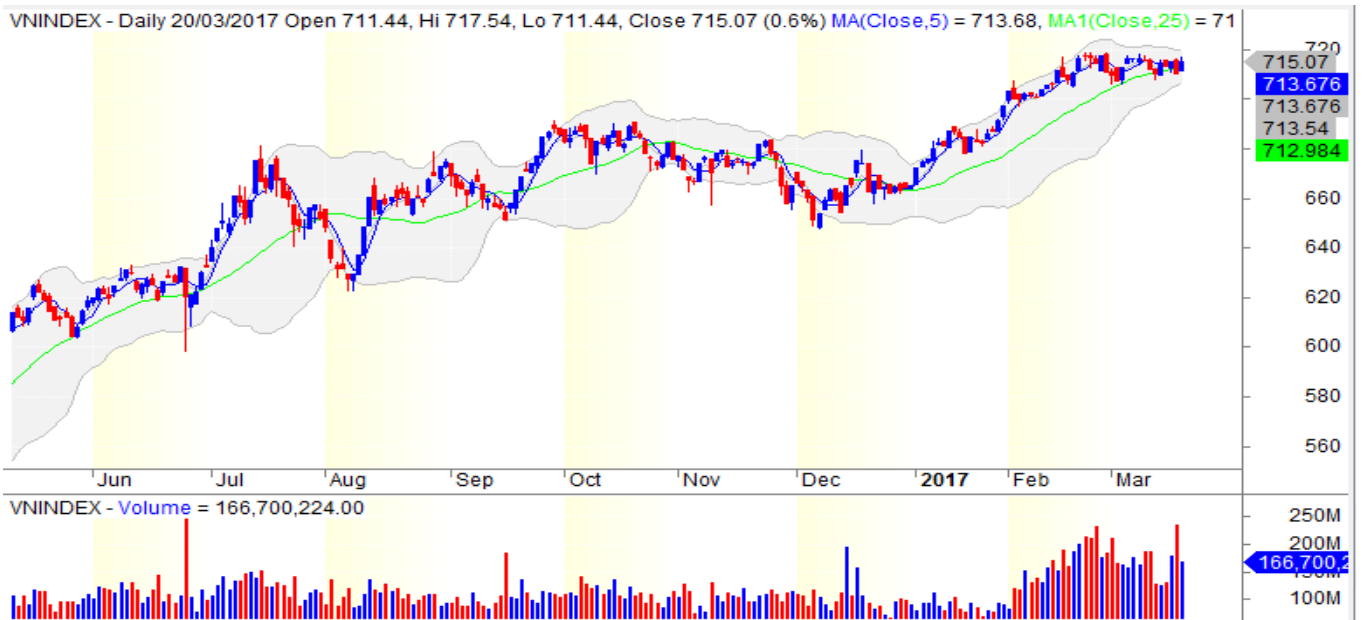
Nhóm cổ phiếu bất động sản - xây dựng và chứng khoán tiếp tục thu hút dòng tiền trong phiên. Hầu hết các cổ phiếu trong nhóm này đều có mức tăng điểm tốt: FLC (+0,8%), ITA (+1,5%), DXG (+2,1%), CII (+2,3%), NVL (+1,8%), NTL (+0,9%), SSI (+1,1%), VIX (+8,1%), AGR (+3,7%), HCM (+0,9%), CTS (+4,9%).

Nhóm cổ phiếu ngành ngân hàng cũng có một phiên giao dịch thanh khoản và tăng chỉ số tốt: ACB (+2,14%), VCB (+1,49%), BID (+0,3%), CTG (+1,39%), EIB (+4,59%), MBB (+3,79%), SHB (+2%), STB (+2,43%).

Nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn như SAB (+0,48%), VJC (+7%), MSN (+4,1%), BVH (+3,4%), VCS (+1,9%), DGC(+7,8%) đều tăng, là động lực chính giúp các chỉ số tăng tích cực.

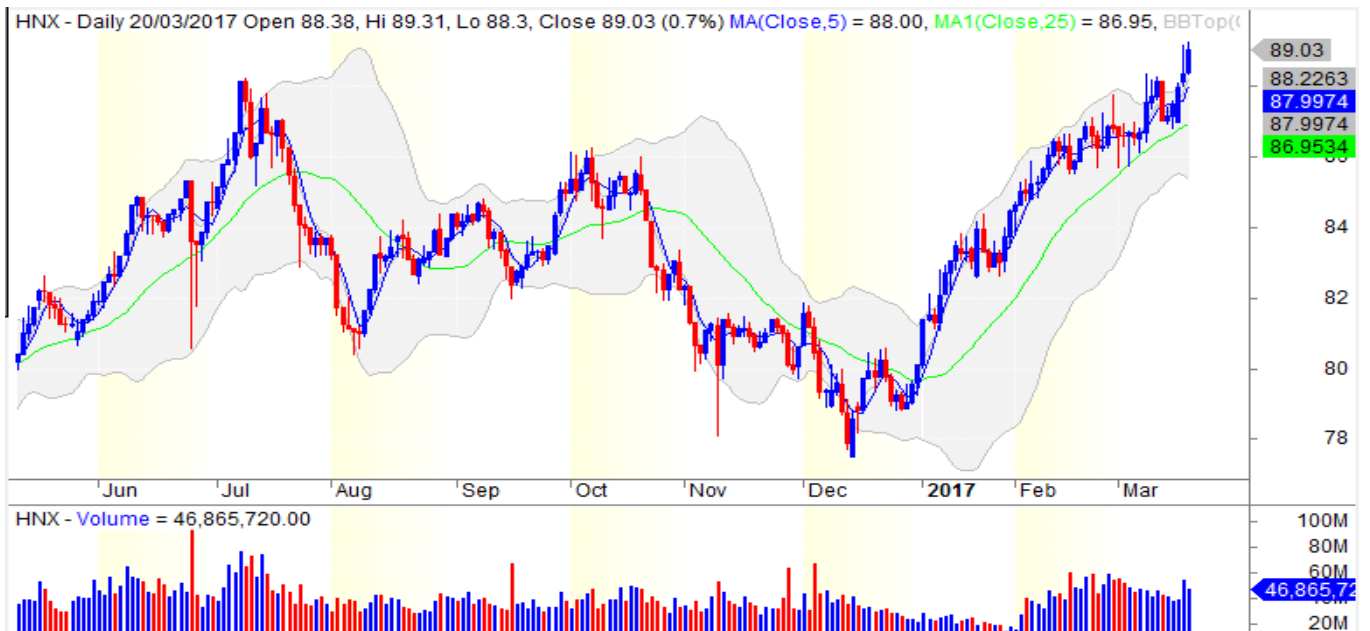
Phân tích kỹ thuật

VN-Index



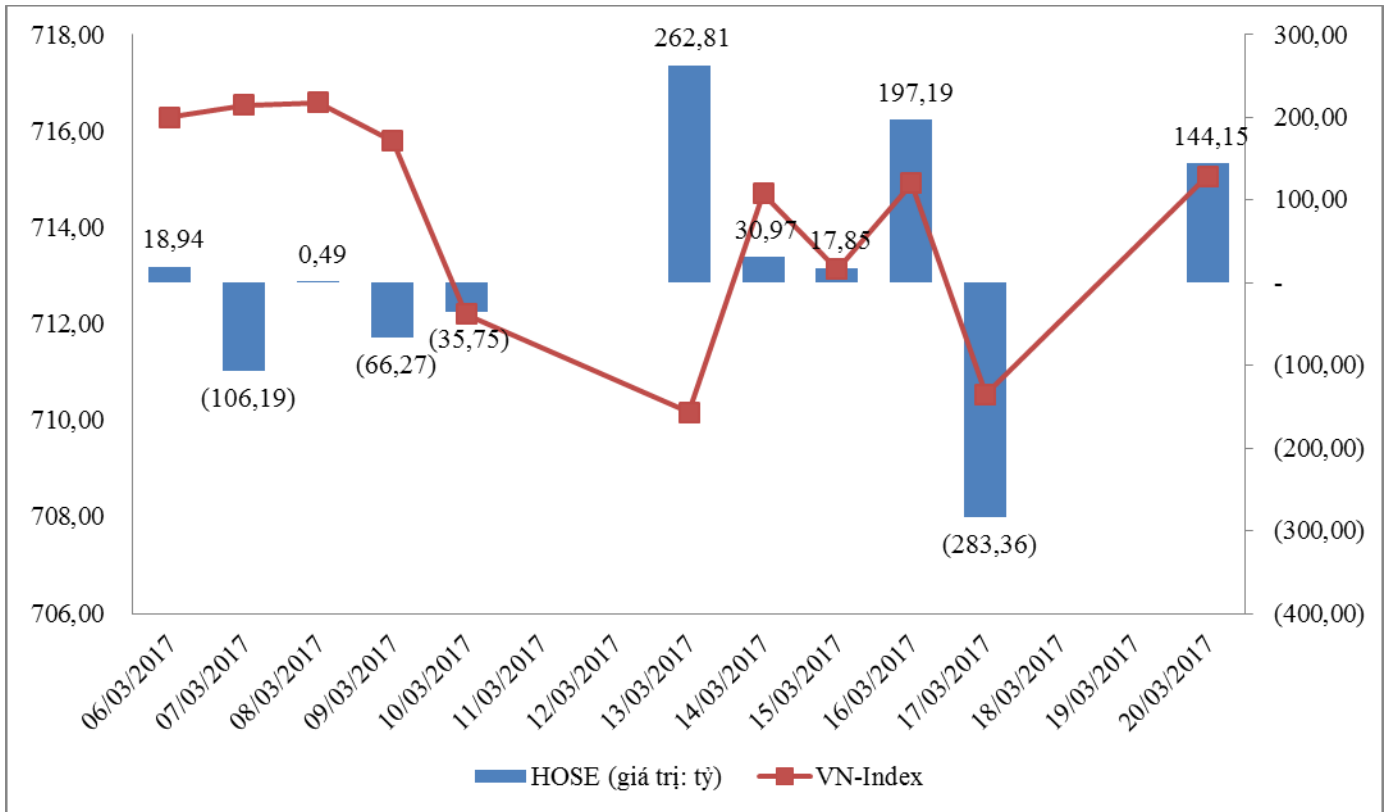
VN-Index hồi phục khá mạnh sau phiên tái cơ cấu của ETF thứ 6 tuần trước. Tín hiệu kỹ thuật trong ngắn hạn của chỉ số là tích cực với hỗ trợ gần nhất tại 713 điểm và vùng kháng cự trong khoảng 716-718 điểm

HNX-Index



HNX-Index tăng điểm phiên thứ 5 liên tiếp với thanh khoản tiếp tục ở mức cao. Tín hiệu kỹ thuật trong ngắn hạn của chỉ số duy trì tích cực với vùng hỗ trợ trong khoảng 87,7-88 điểm và kháng cự gần nhất tại 90,2 điểm.

Giao dịch ròng khối ngoại và VN-Index



Điểm tin doanh nghiệp

Năm 2016, công ty Phú Tài (mã cổ phiếu: PTD) đạt 3.407 tỷ đồng doanh thu, tăng 20% so với doanh thu đạt được năm 2015. Lợi nhuận trước thuế đạt 337,6 tỷ đồng; lợi nhuận sau thuế thu về 278,2 tỷ đồng, tăng trưởng 52% so với lợi nhuận đạt được năm 2015. Lợi nhuận ghi nhận về cho cổ đông công ty mẹ 264,8 tỷ đồng. EPS cao nhất ngưỡng 11.217 đồng. Với kết quả đạt được, ĐHCĐ đã thông qua tờ trình phương án phân chia lợi nhuận năm 2016, trong đó dự kiến dùng gần 158 tỷ đồng bổ sung vốn chủ sở hữu, 38,6 tỷ đồng trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi, và dùng hơn 64,8 tỷ đồng chia cổ tức cho cổ đông tỷ lệ 30%. Đối với cổ tức, Phú Tài quyết định chi 10% bằng tiền mặt và 20% bằng cổ phiếu. Kế hoạch năm 2017, Phú Tài đặt mục tiêu đạt 4.661 tỷ đồng tổng doanh thu, tăng 37% so với doanh thu đạt được năm 2016. Lợi nhuận trước thuế dự kiến đạt 424 tỷ đồng, tăng trưởng 26% so với cùng kỳ năm 2016. Trong đó đặt chỉ tiêu cho công ty mẹ đạt 2.343 tỷ đồng doanh thu và lợi nhuận khoảng 374 tỷ đồng. (trích nguồn: *cafef.vn*)

Ngày 15/3/2017, Sacombank (mã cổ phiếu: STB) thông báo phát hành chứng chỉ tiền gửi bằng Việt Nam đồng trên toàn hệ thống dành cho Khách hàng cá nhân và tổ chức với lãi suất đầu tư rất hấp dẫn 8,48%/năm cho kỳ hạn 5 năm +1 ngày và 8,88%/năm cho kỳ hạn 7 năm trong năm đầu tiên. Nhưng chỉ sau gần 3 ngày triển khai, từ ngày 15/3 đến ngày 17/3/2017, Sacombank đã hoàn tất kế hoạch phát hành. Trước đó ngân hàng cho biết sản phẩm chứng chỉ tiền gửi được hưởng lãi

suất ưu đãi khi vay cầm cố; được chiết khấu và tự do chuyên nhượng Chứng chỉ tiền gửi với Ngân hàng bất cứ lúc nào. Không chỉ Sacombank mà gần đây có nhiều ngân hàng cũng triển khai sản phẩm chứng chỉ tiền gửi như LienVietPostBank, Việt Á, tuy nhiên hai ngân hàng này huy động với kỳ hạn ngắn hơn, trong đó Việt Á là từ 6 tháng đến 18 tháng còn Liên Việt từ 18 tháng đến 60 tháng. Các mức lãi suất chứng chỉ tiền gửi đều cao hơn so với lãi suất huy động thông thường. (trích nguồn: *cafef.vn*)

Thông tin từ Công ty cổ phần Đầu tư hạ tầng kỹ thuật TP.HCM (mã chứng khoán: CII) cho biết, HĐQT Công ty đã quyết định chọn Hong Kong Land là đối tác để cùng CII phát triển quỹ đất nhận được từ dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư phía Bắc và hoàn thiện đường trục Bắc - Nam trong Khu đô thị mới Thủ Thiêm (quận 2). Dự án có tổng vốn đầu tư hơn 2.641 tỷ đồng, được triển khai trên “khu đất vàng” có diện tích hơn 96.000 m² của UBND TP.HCM giao theo hình thức ổn định lâu dài và cho thuê sử dụng 50 năm. Các hạng mục sắp triển khai gồm xây dựng đường trục đoạn từ chân cầu Thủ Thiêm 1 đến Đại lộ Mai Chí Thọ, các tuyến đường nội bộ và hệ thống cấp thoát nước, chiếu sáng, thông tin liên lạc và cây xanh. CII cho biết, 2 bên sẽ bắt đầu quá trình thương thảo nội dung chi tiết của việc hợp tác đầu tư này. Việc hợp tác chỉ có hiệu lực sau khi 2 bên ký hợp đồng chính thức. Hong Kong Land là một trong những nhà đầu tư nước ngoài có mặt sớm nhất trên thị trường bất động sản Việt Nam với 2 dự án tòa nhà văn phòng là 63 Lý Thái Tổ và Tòa nhà Trung tâm tại 31 Hai Bà Trưng, Hà Nội. (trích nguồn: *tinnhanhchungkhoan.vn*)

Điểm tin kinh tế

Việc Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) tăng lãi suất USD từ 0,5 - 0,75%/năm lên 0,75 - 1%/năm trong phiên họp ngày 15/3 đã được dự báo từ trước. Những thông điệp sau phiên họp cũng không gây bất ngờ cho thị trường. Fed tiếp tục giữ dự đoán tăng trưởng GDP 2% trong vòng 3 năm tới, tỷ lệ thất nghiệp được giữ ở mức 4,5% và lạm phát sẽ là 2% vào năm 2018. Dự báo của các thành viên Ủy ban Thị trường mở (FOMC) thuộc Fed vẫn cho thấy, trong năm 2017 sẽ có 3 lần nâng lãi suất (bao gồm lần nâng lãi suất này) và 3 lần cho năm 2018. Điểm thay đổi nhỏ so với dự báo đưa ra hồi tháng 12/2016 là các dự báo đã đạt mức đồng nhất cao hơn về mức lãi suất, đạt 1,5%/năm vào cuối năm 2017 và 2,25%/năm vào cuối năm 2018. Việt Nam còn sử dụng cơ chế kiểm soát dòng ngoại tệ nên rủi ro bị rút vốn làm ảnh hưởng đến đồng nội tệ thấp hơn so với các nước châu Á khác. Thị trường ngoại hối kể từ khi Fed nâng lãi suất tháng 12/2016 (từ 0,25 - 0,5%/năm lên 0,5 - 0,75%/năm) có chiều hướng ổn định trở lại, với tỷ giá trên thị trường tự do giảm 1,9%. Ngân hàng Nhà nước (NHNN) ngược lại, đã chủ động điều chỉnh tỷ tham chiếu thêm +0,6%, làm giảm áp lực tỷ giá khi Fed nâng lãi suất lần này (ngày 15/3). Theo đó, việc Fed nâng lãi suất sẽ ít ảnh hưởng đến lãi suất tiền đồng (VND) trong thời điểm này. Lãi suất tiền đồng phụ thuộc nhiều hơn vào các yếu tố nội tại của Việt Nam mà một yếu tố quan trọng là thanh khoản hệ

thống ngân hàng. Tín dụng trong tháng đầu năm đã tăng nhanh hơn huy động, cụ thể tăng trưởng tín dụng tháng 1 là 1,75% - cao nhất 5 năm, còn huy động giảm 1,6% - thấp nhất 5 năm. Nếu tín dụng và huy động tiếp tục lệch pha kéo dài, hệ quả tất yếu là thanh khoản giảm và lãi suất sẽ tăng. Các yếu tố khác ảnh hưởng đến lãi suất là lạm phát và nhập siêu cũng đang tăng. Chỉ số giá tiêu dùng tháng 2 tăng 0,69% so với tháng 12/2016 (cùng kỳ năm ngoái tăng 0,42%), còn nhập siêu trong 2 tháng đầu năm là hơn 800 triệu USD (cùng kỳ năm ngoái xuất siêu 675 triệu USD). Chúng tôi cho rằng, chính sách tiền tệ nên tiếp tục theo hướng cân bằng tăng trưởng tín dụng với huy động, dựa trên nền tảng cán cân thanh toán tổng thể dương, nhằm ổn định lãi suất và tỷ giá. (trích nguồn: *tinnhanhchungkhoan.vn*)

Theo báo cáo mới công bố của Nielsen, người tiêu dùng có xu hướng mua hàng đa kênh sẽ mang lại nhiều cơ hội phát triển cho thị trường thương mại điện tử Việt Nam. Thị trường thương mại điện tử Việt Nam đang phát triển vô cùng sôi động trong những năm gần đây cùng với mức độ sở hữu các thiết bị truy cập internet (smart phone, laptop, tablet) ngày càng tăng của người tiêu dùng Việt đã khai sinh ra một xu hướng người mua sắm mới: xu hướng mua sắm đa kênh (omni channel shopping). Theo báo cáo Xu Hướng Người Mua Hàng 2017 của Nielsen, có nhiều sự khác biệt giữa người mua hàng truyền thống và người mua hàng đa kênh và điều này mở ra nhiều cơ hội cho các nhà sản xuất lẫn nhà bán lẻ. Sự khác biệt đầu tiên được nhìn thấy trong báo cáo lần này là cơ hội phá vỡ việc mua hàng theo kế hoạch/quán tính. Báo cáo chỉ ra rằng 82% người mua hàng truyền thống thường xuyên mua hàng theo kế hoạch. Điều này sẽ trở thành cản trở cho các thương hiệu hay nhà bán lẻ có thể lôi kéo được người tiêu dùng mới cho mình. Tuy nhiên, hơn một nửa người mua đa kênh sẽ so sánh các thương hiệu khác nhau (52%) hoặc sẽ kiểm tra chất lượng hay uy tín của thương hiệu (63%) trước khi quyết định mua hàng. Tiếp đến đó là sự khác biệt về mục tiêu của những chuyến/lần mua hàng. Báo cáo cho thấy với người mua hàng truyền thống, 30% đi mua hàng vì nhu cầu hàng ngày, 24% vì muốn tận hưởng việc mua sắm, 19% muốn mua hàng dự trữ số lượng lớn và chỉ có 6% người Việt đi mua hàng do muốn tận dụng các chương trình khuyến mãi. Ngược lại, với người mua hàng đa kênh, có đến 57% quyết định mua sắm do các chương trình khuyến mãi, 45% vì nhu cầu hàng ngày, 44% muốn mua hàng dự trữ số lượng lớn và 35% mua hàng vì những dịp đặc biệt. (trích nguồn: *ndh.vn*)

Thống kê giao dịch sàn HOSE và HNX ngày 20.03.2017

Top KLGD nhiều nhất tại sàn HOSE

STT	Mã CK	Giá (VND 1000)	% (+/-)	KLGD	Giá trị (tr vnd)
1	HQC	2,75	1,85	18.830.460	52.524
2	FLC	7,71	0,78	11.742.790	91.306
3	ITA	4,04	1,51	7.795.410	31.816
4	ROS	151,50	(5,37)	5.890.690	886.966
5	HAG	9,11	0,11	5.867.750	54.076
6	FIT	4,80	(1,44)	4.448.620	21.599
7	BHS	13,15	6,48	4.247.510	54.908
8	DXG	19,20	2,13	4.024.600	76.253
9	SSI	23,00	1,10	3.333.090	77.351
10	MBB	15,05	3,79	3.093.190	46.349

Top tăng giá nhiều nhất tại sàn HOSE (KLGD > 200.000)

STT	Mã CK	Giá (VND 1000)	%	KLGD	Giá trị (tr vnd)
1	VJC	125,70	6,98	307.470	37.458
2	GTN	17,75	6,93	1.630.230	28.453
3	LSS	14,10	6,82	1.408.900	19.566
4	LHG	22,70	6,82	306.760	6.901
5	APC	25,10	6,81	277.240	6.929
6	BHS	13,15	6,48	4.247.510	54.908
7	VPH	14,80	6,47	1.420.750	20.899
8	LCG	8,85	5,36	1.240.950	10.818
9	TDH	14,25	5,17	1.494.430	20.826
10	MHC	6,20	5,08	560.160	3.472

Top tăng giá nhiều nhất tại sàn HNX (KLGD > 200.000)

STT	Mã CK	Giá (VND 1000)	%	KLGD	Giá trị (tr vnd)
1	TEG	9,40	9,30	1.139.600	10.564
2	HKB	5,90	9,26	2.966.460	17.407
3	VIX	6,70	8,06	1.585.570	10.354
4	DGC	40,00	7,82	499.495	19.474
5	PVE	7,70	6,94	339.585	2.612
6	SVN	3,10	6,90	1.068.800	3.166
7	VGC	14,90	4,93	368.245	5.355
8	CTS	8,60	4,88	418.860	3.578
9	APS	2,50	4,17	283.200	708
10	VND	14,10	3,68	729.083	10.293

Top KLGD nhiều nhất tại sàn HNX

STT	Mã CK	Giá (VND 1000)	% (+/-)	KLGD	Giá trị (tr vnd)
1	ACB	23,90	2,14	5.125.254	121.505
2	SHB	5,10	2,00	3.388.780	17.292
3	VCG	16,50	0,61	3.211.373	53.714
4	HKB	5,90	9,26	2.966.460	17.407
5	HUT	14,70		2.179.839	32.550
6	KLF	2,60		1.747.903	4.559
7	VIX	6,70	8,06	1.585.570	10.354
8	SIC	7,00	(5,41)	1.509.000	10.216
9	TEG	9,40	9,30	1.139.600	10.564
10	PVS	17,60	0,57	1.072.127	18.800

Top giảm giá nhiều nhất tại sàn HOSE (KLGD > 200.000)

STT	Mã CK	Giá (VND 1000)	% (-)	KLGD	Giá trị (tr vnd)
1	HID	6,75	(6,90)	2.823.750	19.225
2	TTF	8,10	(6,90)	832.950	7.443
3	ROS	151,50	(5,37)	5.890.690	886.966
4	PTB	134,40	(4,82)	370.120	49.668
5	CDO	4,52	(3,42)	430.800	1.955
6	VNE	8,50	(3,41)	267.060	2.296
7	HCD	7,50	(2,72)	322.060	2.447
8	PTL	2,73	(2,50)	234.280	637
9	C32	52,70	(2,41)	603.850	32.085
10	PHR	29,75	(2,30)	475.640	14.255

Top giảm giá nhiều nhất tại sàn HNX (KLGD > 200.000)

STT	Mã CK	Giá (VND 1000)	% (-)	KLGD	Giá trị (tr vnd)
1	KSK	1,20	(7,69)	274.900	330
2	MPT	5,00	(7,41)	464.100	2.321
3	DPS	2,70	(6,90)	261.411	726
4	SIC	7,00	(5,41)	1.509.000	10.216
5	PHC	13,30	(5,00)	372.225	5.060
6	PVX	2,20	(4,35)	796.016	1.769
7	VC3	39,80	(3,86)	350.200	14.203
8	CVT	55,00	(3,51)	640.534	35.574
9	NHP	4,10	(2,38)	709.711	2.850
10	TVC	13,00	(2,26)	435.000	5.723

Thống kê giao dịch khối ngoại:

Top mua ròng giá trị sàn HOSE					
STT	Mã CK	Khối lượng	Giá trị (1.000 đ)	Room còn lại	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	NVL	1.452.530	98.145.970	224.208.204	11,45
2	VNM	424.300	56.753.160	668.517.699	53,86
3	MSN	457.660	20.813.300	202.522.222	30,65
4	CTD	81.580	15.533.000	5.405.745	41,86
5	PCI	163.550	6.769.720	18.981.939	23,12
6	PAC	156.630	5.601.970	10.892.941	25,01
7	HPG	133.450	5.580.540	110.047.305	35,87
8	BVH	73.430	4.468.520	163.325.711	24,95
9	DMC	48.590	4.119.520	14.509.571	58,03
10	VHC	73.940	3.872.480	66.360.084	27,92

Top bán ròng giá trị sàn HOSE					
STT	Mã CK	Khối lượng	Giá trị (1.000 đ)	Room còn lại	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	ROS	(304.790)	(46.032.080)	205.763.860	0,43
2	HTI	(313.730)	(7.336.120)	149.608.624	9,87
3	SSI	(297.640)	(6.916.000)	209.904.069	56,96
4	DPM	(269.950)	(6.551.330)	108.796.426	20,95
5	VCB	(152.650)	(5.724.170)	328.080.882	20,87
6	BFC	(136.880)	(5.135.540)	16.855.642	19,79
7	SBT	(210.060)	(5.009.370)	102.659.545	8,52
8	BID	(247.990)	(4.120.600)	983.848.835	1,22
9	VIC	(84.470)	(3.690.790)	501.514.739	10,00
10	NLG	(79.050)	(2.113.440)	5.247.288	45,31

Top mua ròng giá trị tại HNX					
STT	Mã CK	Khối lượng	Giá trị (1.000 Đ)	Room còn lại	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	VGC	149.200	2.158.830	64.865.538	-
2	HUT	55.000	820.500	53.015.540	18,93
3	VKC	54.000	734.400	5.129.107	23,35
4	NBP	40.000	602.000	5.434.795	21,71
5	TNG	20.800	295.280	9.295.990	21,71
6	DHT	3.630	275.287	2.639.913	6,98
7	DBT	15.100	261.240	5.643.323	-
8	DBC	6.630	216.180	16.239.041	27,43
9	CVT	3.810	212.119	17.706.316	-
10	VBC	3.000	210.000	1.404.294	2,19

Top bán ròng giá trị tại HNX					
STT	Mã CK	Khối lượng	Giá trị (1.000 Đ)	Room còn lại	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	BVS	(158.300)	(2.592.010)	15.640.957	27,35
2	PGS	(145.500)	(2.547.200)	15.465.632	18,07
3	VND	(129.900)	(1.832.180)	2.999.988	47,06
4	PVS	(32.100)	(541.400)	93.348.257	27,10
5	CAP	(5.800)	(193.240)	2.074.926	5,41
6	DHP	(20.000)	(186.000)	3.353.278	13,67
7	VCS	(990)	(157.415)	28.004.044	2,33
8	API	(3.000)	(63.710)	2.179.600	43,01
9	PVB	-3300	(34.910)	8.199.339	11,04
10	SD9	(1.500)	(12.100)	12.895.340	11,33

Thống kê theo nhóm ngành:

Ngành	Vốn hóa (Tỷ VND)	Tỷ trọng vốn hóa	% thay đổi 1 ngày	% thay đổi 1 tháng	P/E	P/B	ROE %	ROA %	Tỷ suất lợi nhuận thuần	Tỷ suất lợi nhuận gộp
Dầu khí	17.138,95	1%	0,36%	-9,48%	15,60	0,67	4,28%	1,90%	-7,75%	-5,60%
Nguyên vật liệu	150.042,98	7%	0,78%	1,50%	9,67	1,90	17,46%	9,45%	5,36%	14,90%
Công nghiệp	417.559,02	18%	-0,87%	1,82%	20,12	4,55	16,08%	7,62%	15,38%	21,81%
Hàng Tiêu dùng	603.210,69	27%	0,77%	1,60%	19,46	6,70	29,59%	20,01%	15,62%	33,57%
Dược phẩm và Y tế	30.597,16	1%	0,24%	2,81%	23,96	3,15	21,79%	14,11%	11,25%	39,79%
Dịch vụ Tiêu dùng	137.630,02	6%	1,62%	-5,60%	17,47	5,02	36,11%	9,64%	23,23%	6,71%
Viễn thông	14.152,52	1%	-0,17%	-3,39%	13,85	4,24	29,76%	10,97%	14,38%	44,39%
Tiện ích Cộng đồng	166.381,89	7%	-0,42%	-5,24%	13,00	2,29	15,92%	10,29%	14,35%	23,51%
Tài chính	347.731,81	15%	0,29%	1,29%	24,82	2,90	9,52%	3,14%	16,44%	31,73%
Ngân hàng	359.678,87	16%	1,56%	0,37%	13,74	1,75	11,95%	0,77%	22,96%	52,09%
CNTT	27.904,38	1%	1,34%	2,64%	11,00	1,99	16,37%	6,66%	5,96%	20,06%

Top vốn hóa cao nhất HOSE

STT	Mã CK	Tên Công ty	EPS (VND)	P/E	Số CPLH (Triệu CP)	ROE %	ROA %	Vốn hóa (Tỷ VND)
1	VNM	VINAMILK	6.464	20,71	1.451.415.315	43,16%	32,89%	194.344,51
2	VCB	Vietcombank	1.897	19,79	3.597.768.575	14,50%	0,93%	135.096,21
3	SAB	SABECO	6.983	29,93	641.281.186	33,80%	21,97%	134.027,77
4	VIC	VinGroup	591	73,25	2.637.707.954	3,78%	0,96%	114.212,75
5	GAS	PV Gas	3.704	14,80	1.913.348.070	16,90%	12,46%	104.851,47
6	CTG	VIETINBANK	1.828	10,01	3.723.404.556	11,48%	0,79%	68.138,30
7	ROS	Xây dựng FLC FAROS	1.144	132,40	430.000.000	11,63%	7,39%	65.145,00
8	BID	BIDV	1.802	9,30	3.418.715.334	14,74%	0,66%	57.263,48
9	MSN	Tập đoàn Masan	2.472	18,57	1.138.262.164	11,77%	3,85%	52.246,23
10	BVH	Tập đoàn Bảo Việt	1.980	30,80	680.471.434	9,94%	2,05%	41.508,76

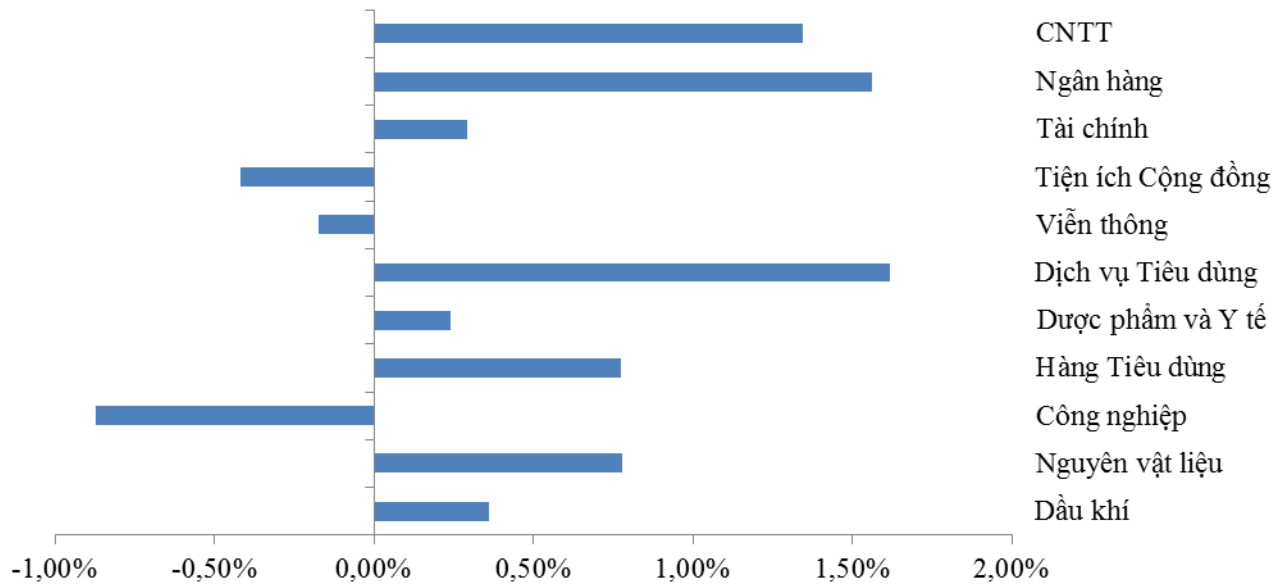
Top vốn hóa cao nhất HNX

STT	Mã CK	Tên Công ty	EPS (VND)	P/E	Số CPLH (Triệu CP)	ROE %	ROA %	Vốn hóa (Tỷ VND)
1	ACB	Ngân hàng Á Châu	1.344	17,78	985.901.288	9,87%	0,61%	23.563,04
2	VCS	VCS STONE	12.009	13,24	60.000.000	55,28%	22,09%	9.540,00
3	PVS	DVKT Dầu khí PTSC	2.210	7,96	446.700.421	8,38%	3,80%	7.861,93
4	VCG	VINACONEX	1.078	15,31	441.710.673	6,44%	2,21%	7.288,23
5	SHB	SHB	921	5,54	1.119.192.914	7,66%	0,43%	5.707,88
6	NTP	Nhựa Tiền Phong	5.346	13,73	74.367.307	22,38%	11,90%	5.458,56
7	PVI	Bảo hiểm PVI	2.424	9,94	222.487.267	7,96%	3,36%	5.361,94
8	PHP	Cảng Hải Phòng	1.411	11,34	326.960.000	11,35%	8,44%	5.231,36
9	VGC	Tổng Công ty Viglacera	1.727	8,63	307.000.000	12,74%	3,95%	4.574,30
10	VNR	Tái bảo hiểm Quốc gia	1.829	13,39	131.075.937	8,87%	3,74%	3.211,36

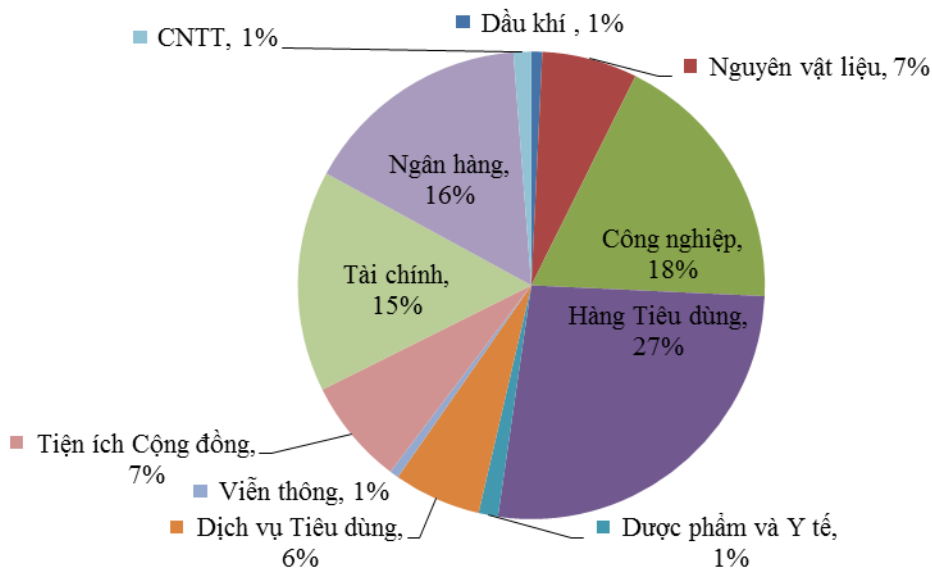
Top vốn hóa cao nhất UPCOM

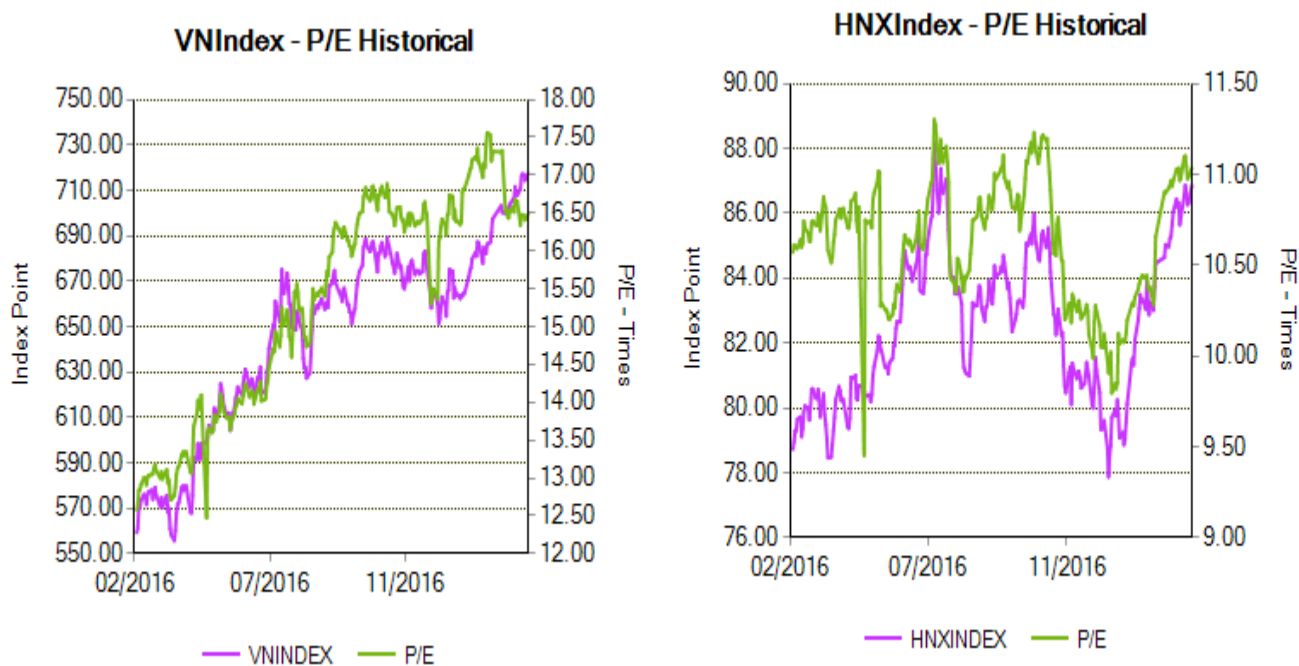
STT	Mã CK	Tên Công ty	EPS (VND)	P/E	Số CPLH (Triệu CP)	ROE %	ROA %	Vốn hóa (Tỷ VND)
1	ACV	Cảng Hàng không VN	1.002	51,21	2.177.173.236	8,33%	3,86%	111.673,75
2	HVN	Vietnam Airlines	2.480	12,41	1.227.533.778	17,54%	2,69%	37.766,30
3	MCH	Hàng Tiêu Dùng MaSan	5.165	13,15	538.160.117	21,66%	15,32%	36.554,53
4	QNS	Đường Quảng Ngãi	7.575	16,95	187.549.373	43,25%	24,96%	24.075,34
5	FOX	FPT Telecom	6.698	14,50	137.048.594	30,82%	11,15%	13.314,00
6	MSR	Tài Nguyên Masan	153	104,16	703.544.898	0,94%	0,41%	11.188,47
7	VEF	Triển lãm Việt Nam	267	226,88	166.604.050	2,58%	2,56%	10.078,88
8	VIB	VIBBank	900	19,43	564.440.589	6,47%	0,59%	9.868,68
9	DTK	Vinacom Power	21	656,35	680.000.000	0,23%	0,05%	9.520,00
10	SQC	Khoáng sản SG-Quy Nhơn	-514	-157,71	107.299.000	-6,29%	-4,85%	8.691,22

Tăng/giảm theo ngành



Tỷ trọng vốn hóa ngành





MIỄN TRÁCH: Các thông tin và dự báo trong báo cáo này được dựa trên các nguồn thông tin mà BMSC cho là đáng tin cậy. Tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo tính chính xác và hoàn chỉnh của các thông tin này. Toàn bộ quan điểm và nhận định trong báo cáo này đều là quan điểm cá nhân của người phân tích dựa trên cơ sở phân tích chi tiết, cẩn thận hợp lý, và phù hợp với thời điểm đưa ra báo cáo này. Các quan điểm này có thể được thay đổi mà không cần báo trước. Báo cáo này được đưa ra không nhằm mục đích khuyến nghị hay quảng cáo việc mua/bán bất cứ cổ phiếu nào. BMSC không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ thiệt hại nào đối với việc sử dụng các thông tin, phân tích, hay khuyến nghị nào từ báo cáo này. Bản quyền báo cáo này thuộc về BMSC. Mọi sự sao chép, chuyển giao hoặc sửa đổi trong bất kỳ trường hợp nào mà không có sự đồng ý của BMSC đều không được phép.

THÔNG TIN LIÊN HỆ Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Minh – Hội sở Lầu 3, Tòa nhà Pax Sky, 34A Phạm Ngọc Thạch, P.6, Q.3, TP. HCM

ĐT: +84 8 7306 8686 – Fax: +84 8 3824 7436

Website: <https://www.bmsc.com.vn> – Email: info@bmsc.com.vn